

Bản án số: 117/2025/HS-ST
Ngày 16-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Kim Dung và ông Trịnh Văn Trời

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

NGUYỄN THU H, sinh ngày 07/01/2005; ĐKKHKT: Tổ D, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Hoàng Thị Y; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Dương Thị H2, sinh năm 1984; nơi cư trú: P30A1, Chung cư B, Số B Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ A, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Dương Thị H2 là chủ Cửa hàng thời trang “LUALA” tại địa chỉ E Khu Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Tháng 11 năm 2023, chị H2 thuê Nguyễn Thu H làm nhân viên bán hàng tại Cửa hàng thời trang “LUALA”, mức lương 6.500.000 đồng/tháng (giữa chị H2 và H không có hợp đồng lao động, chỉ thỏa thuận miệng với nhau). Cửa hàng chỉ có một mình H là nhân viên. Có hai hình thức bán hàng là bán trực tiếp và bán online; nhiệm vụ của H là tư vấn, bán hàng trực tiếp hoặc bán hàng online cho khách.

Ngày 17/01/2024, chị H2 ký hợp đồng với Công ty CP D (gọi tắt là Công ty G1) thông qua ứng dụng thương mại điện tử “Giao H”. Do điện thoại của chị H2 bị lỗi không tải và cài đặt App Giao Hàng Nhanh được nên chị H2 sử dụng căn cước công dân và điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, lắp sim số 0346438128 của H để tải và cài đặt ứng dụng, phục vụ việc bán hàng online của chị H2. Chị H2 cài đặt nhận thông báo bằng thư điện tử “Tonhuu0201@gmail.com” của chị H2 và đăng ký số tài khoản 19033713014016 tại Ngân hàng T, chủ tài khoản “Duong Thi H3” là tài khoản duy nhất để Công ty G1 chuyển tiền hàng cho chị H2 sau khi thu hộ tiền từ khách mua online theo các đơn hàng vận chuyển.

Quá trình làm việc, H thấy chị H2 sơ hở, không kiểm tra ứng dụng, đơn hàng và tiền bán hàng online trên App Giao Hàng N nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp khoản tiền này của chị H2 để chi tiêu cá nhân. Thực hiện ý định trên, ngày 06/3/2024, H thay đổi tài khoản mặc định nhận tiền trên A Giao Hàng N từ tài khoản 19033713014016 tại Ngân hàng T của chị H2 sang tài khoản 8607012005 tại Ngân hàng T của H, mục đích để khi Công ty G1 chuyển trả tiền thu hộ cho chị H2 thì tiền đó sẽ chuyển vào tài khoản của H, H chiếm đoạt tiền bán hàng của chị H2.

Đến tháng 5 năm 2024, tài khoản 8607012005 tại Ngân hàng T của H bị lỗi nên ngày 27/5/2024 H đổi sang tài khoản 1046878563 tại Ngân hàng V của H làm tài khoản mặc định nhận tiền trên A1, mục đích tiếp tục trộm cắp tiền bán hàng của chị H2.

Ngày 24/10/2024, chị H2 xem thư điện tử thì thấy thông báo tài khoản nhận tiền tại ứng dụng “GHN-Giao Hàng N” không phải là tài khoản của mình nên đã kiểm tra lại thông tin trên ứng dụng “GHN-Giao Hàng Nhanh” thì thấy tài khoản Ngân hàng của chị H2 đăng ký với Công ty G1 đã bị thay thành tài khoản Ngân hàng của H. Chị H2 đối soát trên ứng dụng thì thấy Công ty G1 đã 26 lần chuyển tiền thu hộ vào tài khoản Ngân hàng của H.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, cùng ngày 24/10/2024, chị H2 đến Công an phường H trình báo sự việc.

Ngày 25/10/2024, Nguyễn Thu H đã tự nguyện xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả: Nguyễn Thu H đã thực hiện lại hành vi sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, lắp sim số 0346438128 của mình đăng nhập vào ứng dụng “GHN-Giao Hàng Nhanh” tự thêm tài khoản Ngân hàng của mình vào ứng dụng và đặt làm tài khoản mặc định thay thế tài khoản của chủ cửa hàng để trộm cắp tiền.

Kết quả điều tra xác định: Tài khoản 8607012005 tại Ngân hàng T và tài khoản 1046878563 tại Ngân hàng V, đều là của Nguyễn Thu H. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/3/2024 đến ngày 24/10/2024, đã 26 lần Công ty G1 chuyển tiền bán hàng của chị Dương Thị H2 vào 02 tài khoản Ngân hàng nêu trên của H, với tổng số tiền 73.253.000 đồng. Cụ thể:

- Công ty G1 đã 05 lần chuyển tiền vào tài khoản 8607012005 tại Ngân hàng T của Nguyễn Thu H:

1. Ngày 06/3/2024: 4.872.500 đồng;
2. Ngày 07/3/2024: 6.936.500 đồng;
3. Ngày 08/3/2024: 3.247.500 đồng;
4. Ngày 11/3/2024: 492.500 đồng;
5. Ngày 12/3/2024: 673.500 đồng;

- Công ty G1 đã 21 lần chuyển tiền vào tài khoản 1046878563 tại Ngân hàng V của Nguyễn Thu H:

1. Ngày 27/5/2024: 3.110.500 đồng;
2. Ngày 28/5/2024: 6.438.500 đồng;
3. Ngày 29/5/2024: 339.500 đồng;
4. Ngày 30/5/2024: 1.452.500 đồng;
5. Ngày 06/6/2024: 54.500 đồng;
6. Ngày 10/6/2024: 344.500 đồng;
7. Ngày 15/7/2024: 344.500 đồng;
8. Ngày 29/8/2024: 5.613.500 đồng;
9. Ngày 30/8/2024: 1.471.500 đồng;
10. Ngày 04/9/2024: 222.500 đồng;
11. Ngày 05/9/2024: 173.500 đồng;
12. Ngày 20/9/2024: 494.500 đồng;
13. Ngày 14/10/2024: 4.679.500 đồng;
14. Ngày 15/10/2024: 6.123.500 đồng;

15. Ngày 16/10/2024: 13.381.500 đồng;
16. Ngày 17/10/2024: 8.108.500 đồng;
17. Ngày 18/10/2024: 3.371.500 đồng;
18. Ngày 21/10/2024: 793.500 đồng;
19. Ngày 22/10/2024: 64.500 đồng;
20. Ngày 23/10/2024: 93.500 đồng;
21. Ngày 24/10/2024: 354.500 đồng.

Vật chứng thu giữ: thu giữ của H 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, lắp sim số: 0346438128, số IMEI: 356065549285792.

Về trách nhiệm dân sự: Bố của Nguyễn Thu H đã thay H trả số tiền 73.159.500 đồng cho chị Dương Thị H2. Sau khi nhận tiền, chị H2 không có yêu cầu đề nghị gì thêm về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thu H.

Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Thu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 66/CT-VKS-HĐ ngày 28/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thu H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên giữ nguyên bản cáo trạng. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, thể hiện ý thức coi thường pháp luật; bị cáo phạm tội nhiều lần bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bồi thường toàn bộ cho bị hại, bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: bị

hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về xử lý vật chứng: đề nghị tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong giai đoạn điều tra và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đều trình bày đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác về dân sự, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Ông Nguyễn Mạnh H1 là bố của bị cáo đã trả thay cho bị cáo số tiền 73.159.500 đồng cho bị hại, ông H1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Thu H bán hàng thuê cho chị Dương Thị H2 tại Cửa hàng thời trang “LUALA”, địa chỉ E Khu Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Nhiệm vụ của H là bán hàng trực tiếp hoặc bán hàng online cho khách. Chị H2 ký hợp đồng vận chuyển với Công ty G1 để chuyển hàng cho khách và thu tiền hàng khi khách mua hàng online thông qua ứng dụng thương mại điện tử “Giao H”. Chị H2 sử dụng điện thoại của H để tải và cài đặt ứng dụng, phục vụ việc bán hàng online, đăng ký số tài khoản của mình để Công ty G1 chuyển tiền hàng cho chị H2 sau khi thu hộ tiền từ khách theo các đơn hàng vận chuyển. Lợi dụng sơ hở của chị H2, ngày 06/3/2024, H thay đổi tài khoản mặc định nhận tiền trên App G Hàng N từ tài khoản của chị H2 sang tài khoản 8607012005 tại Ngân hàng T của H; và ngày 27/5/2024 H tiếp tục đổi sang tài khoản 1046878563 tại Ngân hàng V của H, mục đích để khi Công ty G1 chuyển trả tiền thu hộ cho chị H2 thì tiền đó sẽ chuyển vào tài khoản của H, H chiếm đoạt tiền bán hàng của chị H2. Từ ngày 06/3/2024 đến khi bị chị H2 phát hiện vào ngày 24/10/2024, H đã nhận 26 lần tiền bán hàng của chị H2 với tổng tiền là 73.253.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thu H là lén lút chiếm đoạt tài sản, thỏa mãn dấu hiệu của tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ giá trị tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: hành vi của bị cáo thể hiện sự tinh vi, ý thức coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, coi thường pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Với thủ đoạn thay đổi số tài khoản của mình vào trong ứng dụng để nhận tiền bán hàng của chị H2, mỗi lần Công ty G1 chuyển trả chị H2 tiền thu hộ từ khách hàng là một lần H chiếm đoạt số tiền tương ứng của chị H2, hành vi của bị cáo thỏa mãn tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo 26 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt nhưng bản thân bị cáo được chị H2 trả lương lương 6.500.000 đồng/tháng, tài sản trộm cắp để chi tiêu cá nhân chứ không phải nguồn sống chính nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; do có mong muốn khắc phục hậu quả bị cáo đã nhờ bố để trả số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bị cáo có cụ nội có công với cách mạng; bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù hậu quả đã được khắc phục nhưng xét bị cáo là người có sức khỏe, có nhận thức về pháp luật nhưng do tham lam, lợi dụng sơ hở của chủ tài sản trong việc quản lý, bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tài sản trong khoảng thời gian dài, phạm tội nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người làm ăn chân chính. Số tiền chiếm đoạt đã được trả lại toàn bộ cho bị hại, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng nhưng có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có thể xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt cũng bảo đảm mục đích của hình phạt.

[4] Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Dương Thị H2 đã được nhận lại số tiền 73.159.500 đồng, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị H2 không yêu cầu bị cáo trả số tiền 93.500 (chín mươi ba nghìn năm trăm) đồng.

- Bị cáo là ông Nguyễn Mạnh H1 đã trả số tiền 73.159.500 đồng cho bị hại thay cho bị cáo, ông H1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, lắp sim số: 0346438128, số IMEI: 356065549285792. Kết quả điều tra chứng minh là chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để cập nhật ứng dụng “GHN-Giao Hàng N” thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cần tịch thu để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Dương Thị H2 đã được nhận lại số tiền 73.159.500 đồng, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị H2 không yêu cầu bị cáo trả số tiền 93.500 (chín mươi ba nghìn năm trăm) đồng.

- Ông Nguyễn Mạnh H1 đã trả số tiền 73.159.500 đồng cho bị hại thay cho bị cáo, ông H1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu để sung vào Ngân sách

Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, lắp sim số: 0346438128, số IMEI: 356065549285792 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thu H.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hà Nội và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thu H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/4/2025. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:

- Công an thành phố Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh